

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 44/2021/HSST

Ngày 23 tháng 9 năm 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN - LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lê Duy Bình.

2, Ông Vũ Bách Khanh.

- *Thư K phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung - Thư K Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tráng A C (tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996.

Nơi sinh tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Nơi thường trú: Thôn Khe P, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tráng A S, sinh năm 1971, con bà Hng Thị X, sinh năm 1971. Hiện đều trú tại thôn Khe P, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC.

Bị cáo có vợ là Lù Thị S, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện đều trú tại thôn Khe P, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2021 đến nay tại xã NTh, huyện VB, tỉnh LC.

+) Người bào chữa cho bị cáo Tráng A C là: Ông Nguyễn Xuân Tuyền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nH nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

+) Người phiên dịch cho bị cáo: Chị THo Thị Dỡ, sinh năm 1992.

Địa chỉ Công tác tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Nơi đăng K hộ khẩu thường trú: Thôn Phát Dây, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

* Người bị hại: Anh Lù A K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Khe P, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Nông Văn H, sinh năm 1983 .

Địa chỉ: Thôn L C, xã PhĐ H, huyện VY, tỉnh YB.

2/Anh Triệu Xuân C, sinh năm 1996.

3/ Bà Phùng Thị L, sinh năm 1966.

Đều có địa chỉ: Thôn Khe T, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC.

4/ Lù Thị S. Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Khe P, xã NTh, huyện VB, tỉnh LC. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong tháng 5 năm 2021, Tráng A C đã 02 lần thực hiện Hành vi trộm cắp vỏ quế của anh Lù A K (*sinh năm 1982, trú tại thôn Khe Păn, xã Nậm Tha, huyện Văn Bàn*), cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 5 năm 2021, Tráng A C đi qua khu vực đập 6 thủy điện Nậm Tha, thuộc thôn Khe Păn, xã Nậm Tha, phát hiện đồi quế của anh Lù A K trồng từ năm 2009 nên nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 09 giờ ngày hôm sau, C một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24V1 – 228.62 mang theo 01 con dao bóc vỏ quế dài khoảng 25cm, loại dao 01 lưỡi mũi quắm bằng sắt bản rộng nhất 04cm, chuôi dao bằng gỗ đến khu vực trên để bóc lấy trộm vỏ quế. C lần lượt bóc vỏ 12 cây quế, mỗi cây bóc 04 khoanh, mỗi khoanh dài khoảng 40cm đến 45cm theo chiều từ trên xuống dưới cách mặt đất khoảng 10cm thì dừng lại. Sau đó C mang vỏ quế bán cho một người phụ nữ tên Hảo gặp trên đường đi về với giá 30.000 đồng/kg được 4.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 23/5/2021, Tráng A C tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24V1 – 228.62 mang theo con dao bóc vỏ quế lần trước đã sử dụng đến khu vực đồi quế của anh K bóc lấy vỏ 15 cây quế. Trong đó có 12 cây C bóc trộm 04 khoanh, có 03 cây C trèo lên thân cây và bóc trộm 08 khoanh, chiều dài mỗi khoanh từ 40cm đến 45cm như lần trộm cắp thứ nhất. Sau đó C chở đi bán cho một người đàn ông gặp ở trên đường đi về với giá 30.000 đồng/kg được 3.000.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất trộm, anh K đã chặt hạ các cây quế trên để thu hồi phần vỏ quế còn lại và trình báo đến cơ quan Công an. Ngày 04/6/2021, Tráng A C đến Công an xã Nậm Tha đầu thú khai nhận Hành vi trộm cắp vỏ quế, giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 24V1 – 228.62

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: Số vỏ quế C bóc trộm lần thứ nhất có giá trị là 3.094.000 đồng; số vỏ quế bóc trộm lần thứ hai có giá trị là 4.506.000 đồng. Tổng giá trị số vỏ quế C đã bóc trộm hai lần trên là 7.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 30/8/2021 của Viện kiểm St nhân dân huyện Văn Bàn truy tố bị cáo Tráng A C ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm St nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn làm rõ đã nêu quan điểm luận tội về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tráng A C, phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Tráng A C từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tráng A C phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tráng A C 06 tháng tù cho hưởng án treo và không phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm St viên, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận lợi dụng mất cảnh giác của chủ hờ hữu nên trong tháng 5 năm 2021, Tráng A C đã hai lần thực hiện Hành vi trộm cắp tài sản của anh Lù A K với tổng trị giá là 7.600.000 đồng.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định trong tháng 5/2021, bị cáo đã hai lần trộm cắp tài sản của anh K có tổng giá trị 7.600.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Tráng A C, phạm tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm St nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai truy tố là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ Hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Là thanh niên, có sức khỏe, có sức

lao động nhưng lười lao động, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên trong tháng 5/2021 bị cáo có Hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để sử dụng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với Hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Bị cáo Tráng A C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an để đầu thú, biết ăn năn, cố gắng bằng hết khả năng của mình để tự nguyện bồi thường nhiều hơn so với giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.400.000 đồng cho bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng. Xét không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với bà Phùng Thị L, anh Triệu Xuân C là chủ diện tích đất anh K đã trồng quế. Quá trình điều tra xác định do anh K không xác định rõ ranh giới đất của gia đình nên đã trồng nhầm sang diện tích đất của hộ bà L. Bà L đề nghị sẽ tự thỏa thuận giải quyết riêng với anh K, không có yêu cầu đề nghị gì trong vụ án. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với người phụ nữ tên Hảo và người đàn ông mua vỏ quế của bị cáo C, quá trình điều tra không xác định được lý lịch nên chưa điều tra làm rõ được, khi nào điều tra làm rõ sẽ xem xét xử lý sau. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với anh Ngô Văn H, trong tháng 5/2021 có mua vỏ quế tươi của anh K do anh K tận thu từ những cây quế bị C bóc vỏ quế trộm cắp trước đó, không liên quan đến Hành vi trộm cắp tài sản của C. Đến nay anh H và anh K đều không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm St, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tráng A C, phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tráng A C từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Xét thấy, nhân thân của bị cáo chưa có vi phạm gì, không nghiện chất ma túy, là người dân tộc thiểu số, văn hóa lớp 4/12 nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ thực hiện Hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo một cách khách quan, toàn diện khi quyết định hình phạt phù hợp với Hành vi phạm tội mà bị cáo C thực hiện để thể hiện tính răn đe nhưng cũng có sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tráng A C 06 tháng tù cho hưởng án treo là chưa tưng xứng với Hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy bị cáo C thực hiện Hành vi trộm cắp tài sản 02 lần nên không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nên việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 18.000.000 đồng, người bị hại anh Lù A K và chị Tráng Thị Dở xác định là tài sản chung của vợ chồng anh K và chị Dở. Anh K và chị Dở đã nhận số tiền 18.000.000 đồng do bị cáo C tự nguyện bồi thường, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 18.000.000 đồng do bị cáo C tự nguyện bồi thường vượt quá tài sản bị thiệt hại của người bị hại với số tiền 10.400.000đ cho người bị hại, Hội đồng xét xử đã giải thích các quy định của pháp luật cho bị cáo biết. Tuy nhiên, bị cáo không có yêu cầu nhận lại số tiền 10.400.000đ, tự nguyện để bù đắp thêm cho người bị hại. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu sơn đen, biển kiểm soát 24V1-228.62, số khung J3PELA328585, số máy 54FMJ1328585 thu giữ do Tráng A C giao nộp là tài sản chung của chị Lù Thị S và bị cáo C dùng làm phương tiện để thực hiện Hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mai để nộp ngân Sch nH nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe mô tô, còn $\frac{1}{2}$ giá trị của xe mô tô nêu trên trả cho chị Lù Thị S.

Đối với 01 con dao của Tráng A C dùng để bóc vỏ quế, ngày 23/5/2021 C đã làm rơi trên đường đi nên không có căn cứ để truy tìm. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với số vỏ quế Tráng A C sau khi trộm cắp được đã bán cho những người không quen biết, chưa xác định được lý lịch nên không có căn cứ để truy tìm. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[8] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm St nhân dân huyện Văn Bàn, Kiểm St viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Tráng A C, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Tráng A C 06 (Su) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu phát mại $\frac{1}{2}$ giá trị của xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu sơn đen, biển kiểm soát 24V1-228.62 số khung J3PELA328585, số máy 54FMJ1328585 để nộp ngân sách nhà nước, còn $\frac{1}{2}$ giá trị của xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu sơn đen, biển kiểm soát 24V1-228.62 số khung J3PELA328585, số máy 54FMJ1328585 trả cho chị Lò Thị S.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Tráng A C phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án: Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn (01);
- Công an huyện Văn Bàn (02);
- Bị cáo (01);
- Người bị hại (02).
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai (01);
- THAHS, THADS huyện Văn Bàn ;
- V.Phòng, C.Án, T.Phán (03).
- Lưu H.sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa